

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2025/HS-PT

Ngày: 27/8/2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Đinh Phước Hòa**

Các thẩm phán:

ông **Trần Huy Đức**

ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Thê Trường**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Vân**, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 47/2025/TLPT-HS ngày 24 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo **Lê Thị Tuyết N** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị hại bà **Lê Thị H** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2025/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng).

Bị cáo **Lê Thị Tuyết N**; giới tính: Nữ; sinh ngày: 16/8/1988, tại **Q, Quảng Nam**; Nơi cư trú: **thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (nay là xã X, thành phố Đà Nẵng)**; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: buôn bán; Tiền án, tiền sự: không có; Tên cha: **Lê Thọ V1**, sinh năm 1957, nghề nghiệp: hưu trí; Tên mẹ: **Đoàn Thị Á**; sinh năm 1963, nghề nghiệp: buôn bán; Chồng: **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1971, nghề nghiệp: lao động tự do; Có 02 con: lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/6/2024; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 **Công an thành phố Đ**. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Phạm Xuân T1 - Văn phòng L**, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Q**. Vắng mặt

Bị hại: Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1968; trú tại: **thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn B, xã X, thành phố Đà Nẵng)**. Vắng mặt có đơn xin hoãn phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do làm ăn thua lỗ, năm 2022, biết bà **Lê Thị H** (sinh năm 1968, trú tại **thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam**) có tổ chức chơi biêu, **N** xin tham gia để góp biêu lấy tiền trả nợ; khi tham gia chơi biêu, **N** luôn đưa ra mức lãi cao để được nhận (hốt) biêu trước sau đó bỏ không góp phần biêu chết, chiếm đoạt tiền biêu trả nợ. Để giữ uy tín, tiếp tục duy trì việc chơi Biêu bà **H** đã bỏ tiền ra nộp phần biêu chết thay và ghi nợ cho **N**.

Năm 2023, bà **H** lập một số dây biêu trên ứng dụng mạng xã hội “Messenger” để tổ chức chơi biêu. Những người chơi sử dụng một tài khoản “Messenger” để tham gia chơi. **N** sử dụng tài khoản Messenger tên “Ngân Lê” tham gia tất cả những dây biêu do bà **H** làm chủ biêu. Khi những chân biêu **N** tham gia chơi với tài khoản tên “Ngân Lê” đã được hốt biêu. **N** không đóng biêu chết, bà **H** không cho **N** tham gia chơi biêu nữa. **N** đưa ra thông tin gian dối với bà **H** là có em dâu của **N** tên **Nguyễn Thị H1** (sinh năm: 1993; trú tại **thị trấn N, D, Quảng Nam**) muốn tham gia chơi biêu và sử dụng tài khoản Messenger tên “Lê Út” tham gia, bà **H** tin **N** nói thật nên đồng ý. Sau đó, **N** sử dụng tài khoản Messenger tên “Lê Út” mà **N** đã tự tạo lập trước đó tham gia chơi biêu do bà **H** làm chủ biêu với mục đích được hốt biêu lấy tiền trả nợ. Sau khi đấu trúng biêu, **N** yêu cầu bà **H** chuyển tiền vào số tài khoản 0651000794506 **V2** do **H1** làm chủ tài khoản. **N** nói dối với **H1** do tài khoản ngân hàng của **N** bị lỗi nên nhờ **H1** nhận tiền giúp. Số tiền bà **H** chuyển vào tài khoản của **H1**, **H1** chuyển lại cho **N** và **N** sử dụng vào việc trả nợ. Đến tháng 12/2023, bà **H** yêu cầu **N** trả khoản nợ tiền biêu, **N** hứa hẹn sẽ trả nhưng do không có tiền nên **N** không trả lại tiền cho bà **H**. Bà **H** liên hệ với **H1** thì được biết **H1** không có tham gia chơi biêu. Lúc đó bà **H** biết **N** đã tạo tài khoản tên “**Lê Ú**” chơi biêu để lừa bà **H** chiếm đoạt tiền biêu nên bà **H** làm đơn tố giác gửi đến Cơ quan CSĐT.

Thông qua hình thức chơi biêu **N** đã tham gia chơi 38 dây biêu do bà **H** tổ chức để chiếm đoạt của bà **H** là **1.141.380.000 đồng** (một tỷ một trăm bốn mươi mốt triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng), cụ thể như sau:

* Đối với loại biêu tháng:

1/ Dây biêu mở ngày 15/01/2023 (âm lịch), loại biêu 5.000.000 đồng/tháng/13 chân (phần biêu), **N** tham gia 01 chân, hốt (nhận) biêu vào kỳ thứ 3 số tiền 59.400.000 đồng, đã nộp 07 kỳ, chiếm đoạt số tiền 14.900.000 đồng.

2/ Dây biêu mở ngày 15/01/2023 (âm lịch), loại biêu 6.000.000 đồng/tháng/13 phần, **N** tham gia 01 chân, hốt biêu vào kỳ thứ 3 số tiền 70.800.000 đồng, đã nộp 09 kỳ, chiếm đoạt số tiền 17.460.000 đồng.

3/ Dây biêu mở ngày 15/01/2023 (âm lịch), loại biêu 10.000.000 đồng/tháng/13 phần, **N** tham gia 01 chân, hốt biêu vào kỳ thứ 2 số tiền 108.000.000 đồng, đã nộp 09 kỳ, chiếm đoạt số tiền 18.000.000 đồng.

4/ Dây biếu mở ngày 15/6/2022 (âm lịch), loại biếu 10.000.000 đồng/tháng/20 phần, N tham gia 01 chân, hốt biếu vào kỳ thứ 3 số tiền 174.500.000 đồng, đã nộp 14 kỳ, chiếm đoạt số tiền 16.150.000 đồng.

5/ Dây biếu mở ngày 15/6/2022 (âm lịch), loại biếu 10.000.000 đồng/tháng/20 phần, N tham gia 01 chân, hốt biếu vào kỳ thứ 4 số tiền 177.600.000 đồng, đã nộp 16 kỳ, chiếm đoạt số tiền 20.750.000 đồng.

6/ Dây biếu mở ngày 30/02/2023 (âm lịch), loại biếu 10.000.000 đồng/tháng/20 phần, N tham gia 01 chân, hốt biếu vào kỳ thứ 4 số tiền 172.800.000 đồng, đã nộp 7 kỳ, chiếm đoạt số tiền 106.050.000 đồng.

7/ Dây biếu mở ngày 07/10/2023 (dương lịch), loại biếu 6.000.000 đồng/tháng/12 người, N tham gia 01 chân, hốt biếu vào kỳ thứ 2 với số tiền 64.080.000, đã nộp 2 kỳ, chiếm đoạt số tiền 52.080.000 đồng;

Tổng số tiền đã chiếm đoạt là **245.390.000 đồng**.

* B do N dùng tài khoản “Ngân Lê” tham gia:

1/ Dây biếu mở ngày 30/8/2023 (dương lịch), loại biếu 15.000.000 đồng/tháng/12 phần, N tham gia 01 chân, hốt biếu vào kỳ thứ 2 với số tiền 162.200.000, đã nộp 3 kỳ, chiếm đoạt số tiền 117.200.000 đồng.

2/ Dây biếu mở ngày 02/9/2023 (dương lịch), loại biếu 4.000.000 đồng/7 ngày/15 phần, N tham gia 01 chân, hốt biếu vào kỳ thứ 7 với số tiền 58.240.000 đồng, đã nộp 12 kỳ, chiếm đoạt số tiền 11.990.000 đồng.

3/ Dây biếu mở ngày 13/8/2023 (dương lịch), loại biếu 6.000.000 đồng/7 ngày/15 phần, N tham gia 01 chân, hốt biếu vào kỳ thứ 8 với số tiền 87.610.000 đồng, đã nộp 15 kỳ, chiếm đoạt số tiền 6.480.000 đồng.

4/ Dây biếu mở ngày 21/10/2023 (dương lịch), loại biếu 3.500.000 đồng/7 ngày/16 phần, N tham gia 01 chân, hốt biếu vào kỳ thứ 4 với số tiền 51.200.000 đồng, đã nộp 6 kỳ, chiếm đoạt số tiền 31.270.000 đồng.

5/ Dây biếu mở ngày 18/10/2023 (dương lịch), loại biếu 2.000.000 đồng/2 ngày/25 phần, N tham gia 01 chân, hốt biếu vào kỳ thứ 12 với số tiền 47.920.000 đồng, đã nộp 15 kỳ, chiếm đoạt số tiền 20.060.000 đồng.

6/ Dây biếu mở ngày 01/9/2023 (dương lịch), loại biếu 6.000.000 đồng/7 ngày/12 phần, N tham gia 01 chân, hốt biếu vào kỳ thứ 4 với số tiền 70.320.000 đồng, đã nộp 11 kỳ, chiếm đoạt số tiền 5.310.000 đồng.

7/ Dây biếu mở ngày 03/10/2023 (dương lịch), loại biếu 2.000.000 đồng/4 ngày/15 phần, N tham gia 01 chân, hốt biếu vào kỳ thứ 8 với số tiền 28.650.000 đồng, đã nộp 12 kỳ, chiếm đoạt số tiền 5.710.000 đồng.

8/ Dây biếu mở ngày 05/10/2023 (dương lịch), loại biếu 3.500.000 đồng/7 ngày/15 phần, N tham gia 01 chân, hốt biếu vào kỳ thứ 5 với số tiền 48.800.000 đồng, đã nộp 7 kỳ, chiếm đoạt số tiền 25.870.000 đồng.

9/ Dây biểu mở ngày 07/10/2023 (dương lịch), loại biểu 3.000.000 đồng/5 ngày/12 phần, N tham gia 01 chân, hốt biểu vào kỳ thứ 2 với số tiền 33.500.000 đồng, đã nộp 10 kỳ, chiếm đoạt số tiền 3.700.000 đồng.

10/ Dây biểu mở ngày 25/10/2023 (dương lịch), loại biểu 2.000.000 đồng/5 ngày/20 phần, N tham gia 01 chân, hốt biểu vào kỳ thứ 4 với số tiền 36.640.000 đồng, đã nộp 6 kỳ, chiếm đoạt số tiền 25.330.000 đồng.

11/ Dây biểu mở ngày 26/10/2023 (dương lịch), loại biểu 7.000.000 đồng/7 ngày/15 phần, N tham gia 01 chân, hốt biểu vào kỳ thứ 4 với số tiền 98.040.000 đồng, đã nộp 4 kỳ, chiếm đoạt số tiền 65.160.000 đồng.

12/ Dây biểu mở ngày 29/10/2023 (dương lịch), loại biểu 1.500.000 đồng/2 ngày/15 phần, N tham gia 01 chân, hốt biểu vào kỳ thứ 4 với số tiền 21.200.000 đồng, đã nộp 12 kỳ, chiếm đoạt số tiền 6.540.000 đồng.

13/ Dây biểu mở ngày 01/11/2023 (dương lịch), loại biểu 1.500.000 đồng/2 ngày/15 phần, N tham gia 01 chân, hốt biểu vào kỳ thứ 5 với số tiền 21.500.000 đồng, đã nộp 11 kỳ, chiếm đoạt số tiền 5.480.000 đồng.

14/ Dây biểu mở ngày 05/11/2023 (dương lịch), loại biểu 800.000 đồng/2 ngày/20 phần, N tham gia 01 chân, hốt biểu vào kỳ thứ 4 với số tiền 14.960.000 đồng, đã nộp 10 kỳ, chiếm đoạt số tiền 7.275.000 đồng.

15/ Dây biểu mở ngày 05/11/2023 (dương lịch), loại biểu 800.000 đồng/2 ngày/20 phần, N tham gia 01 chân, hốt biểu vào kỳ thứ 9 với số tiền 15.400.000 đồng, đã nộp 10 kỳ, chiếm đoạt số tiền 8.140.000 đồng.

16/ Dây biểu mở ngày 21/10/2023 (dương lịch), loại biểu 5.000.000 đồng/5 ngày/20 phần, N tham gia 01 chân, hốt biểu vào kỳ thứ 5 với số tiền 91.100.000 đồng, đã nộp 8 kỳ, chiếm đoạt số tiền 53.040.000 đồng.

17/ Dây biểu mở ngày 17/11/2023 (dương lịch), loại biểu 5.000.000 đồng/3 ngày/15 phần, N tham gia 01 chân, hốt biểu vào kỳ thứ 6 với số tiền 73.830.000 đồng, đã nộp 6 kỳ, chiếm đoạt số tiền 45.590.000 đồng.

18/ Dây biểu mở ngày 17/11/2023 (dương lịch), loại biểu 500.000 đồng/1 ngày/20 phần, N tham gia 01 chân, hốt biểu vào kỳ thứ 6 với số tiền 9.300.000 đồng, đã nộp 7 kỳ, chiếm đoạt số tiền 6.075.000 đồng.

19/ Dây biểu mở ngày 19/11/2023 (dương lịch), loại biểu 1.000.000 đồng/2 ngày/20 phần, N tham gia 01 chân, hốt biểu vào kỳ thứ 6 với số tiền 18.880.000 đồng, đã nộp 7 kỳ, chiếm đoạt số tiền 12.350.000 đồng.

20/ Dây biểu mở ngày 22/11/2023 (dương lịch), loại biểu 5.000.000 đồng/5 ngày/15 phần, N tham gia 01 chân, hốt biểu vào kỳ thứ 1 với số tiền 68.420.000 đồng, đã nộp 1 kỳ, chiếm đoạt số tiền 63.420.000 đồng.

21/ Dây biểu mở ngày 05/11/2023 (dương lịch), loại biểu 4.000.000 đồng/4 ngày/15 phần, N tham gia 01 chân, hốt biểu vào kỳ thứ 2 với số tiền 56.640.000 đồng, đã nộp 6 kỳ, chiếm đoạt số tiền 32.930.000 đồng.

22/ Dây biêu mở ngày 09/11/2023 (dương lịch), loại biêu 1.000.000 đồng/1 ngày/20 phần, **N** tham gia 01 chân, hốt biêu vào kỳ thứ 6 với số tiền 19.020.000 đồng, đã nộp 12 kỳ, chiếm đoạt số tiền 7.400.000 đồng.

Tổng số tiền chiếm đoạt là **566.320.000 đồng**.

* **B** do **N** dùng tài khoản “ Lê Út” tham gia:

1/ Dây biêu mở ngày 03/10/2023 (dương lịch), loại biêu 2.000.000 đồng/4 ngày/15 phần, **N** tham gia 01 chân, hốt biêu vào kỳ thứ 7 với số tiền 28.900.000 đồng, đã nộp 13 kỳ, chiếm đoạt số tiền 3.800.000 đồng.

2/ Dây biêu mở ngày 19/9/2023 (dương lịch), loại biêu 4.000.000 đồng/7 ngày/15 phần, **N** tham gia 01 chân, hốt biêu vào kỳ thứ 4 với số tiền 55.980.000 đồng, đã nộp 12 kỳ, chiếm đoạt số tiền 8.930.000 đồng.

3/ Dây biêu mở ngày 22/11/2023 (dương lịch), loại biêu 5.000.000 đồng/5 ngày/15 phần, **N** tham gia 01 chân, hốt biêu vào kỳ thứ 3 với số tiền 70.550.000 đồng, đã nộp 3 kỳ, chiếm đoạt số tiền 56.600.000 đồng.

4/ Dây biêu mở ngày 21/11/2023 (dương lịch), loại biêu 5.000.000 đồng/5 ngày/10 phần, **N** tham gia 01 chân, hốt biêu vào kỳ thứ 1 với số tiền 46.670.000 đồng, đã nộp 02 kỳ, chiếm đoạt số tiền 36.670.000 đồng.

5/ Dây biêu mở ngày 30/8/2023 (dương lịch), loại biêu 15.000.000 đồng/tháng/12 phần, **N** tham gia 01 chân, hốt biêu vào kỳ thứ 3 với số tiền 166.300.000 đồng, đã nộp 3 kỳ, chiếm đoạt số tiền 123.480.000 đồng.

6/ Dây biêu ngày 21/10/2023 (dương lịch), loại biêu 5.000.000 đồng/5 ngày/20 phần, **N** tham gia 01 chân, hốt biêu vào kỳ thứ 3 với số tiền 90.580.000 đồng, đã nộp 8 kỳ, chiếm đoạt số tiền 51.510.000 đồng.

7/ Dây biêu ngày 01/9/2023 (dương lịch), loại biêu 6.000.000 đồng/7 ngày/12 phần, **N** tham gia 01 chân, hốt biêu vào kỳ thứ 2 với số tiền 69.300.000 đồng, đã nộp 11 kỳ, chiếm đoạt số tiền 3.650.000 đồng.

8/ Dây biêu ngày 21/10/2023 (dương lịch), loại biêu 3.500.000 đồng/7 ngày/16 phần, **N** tham gia 01 chân, hốt biêu vào kỳ thứ 1 với số tiền 50.100.000 đồng, đã nộp 5 kỳ, chiếm đoạt số tiền 32.600.000 đồng.

9/ Dây biêu mở ngày 19/11/2023 (dương lịch), loại biêu 1.000.000 đồng/2 ngày/20 phần, **N** tham gia 01 chân, hốt biêu vào kỳ thứ 7 với số tiền 18.960.000 đồng, đã nộp 7 kỳ, chiếm đoạt số tiền 12.430.000 đồng.

Tổng số tiền đã chiếm đoạt là **329.670.000 đồng**.

Ngoài ra **Lê Thị Tuyết N** còn sử dụng tài khoản “Lê Út” để tham gia 03 dây biêu do bà **H** tổ chức; **N** đã đóng tiền biêu một số kỳ với tổng số tiền là 56.000.000 đồng nhưng chưa được hốt biêu; cụ thể:

- Dây biêu ngày 30/08/2023, loại biêu 15.000.000đồng/tháng/12 phần, **N** tham gia 01 chân đã đóng được 32.700.000 đồng.

- Dãy biếu ngày 11/10/2023, loại biếu 10.000.000đồng/tháng/12 phần, N tham gia 01 chân đã đóng được 18.800.000 đồng.

- Dãy biếu ngày 23/11/2023, loại biếu 3.500.000đồng/7 ngày/12 phần, N tham gia 01 chân đã đóng được 4.500.000 đồng.

Số tiền 56.000.000 đồng này được khấu trừ phần trách nhiệm dân sự cho bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2025/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

“Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Tuyết N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Xử phạt bị cáo Lê Thị Tuyết N 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 25/6/2024.

2. Căn cứ Điều 584, Điều 589 của Bộ Luật Dân sự. Buộc bị cáo Lê Thị Tuyết N phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Lê Thị H số tiền còn lại là 1.070.380.000 (Một tỷ không trăm bảy mươi triệu, ba trăm tám mươi nghìn) đồng”.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/7/2025, bị hại Lê Thị H kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Xuân N1, không thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ là: bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả vì bị cáo không tự nguyện bồi thường mà do khấu trừ, số tiền bồi thường rất nhỏ so với số tiền chiếm đoạt; bị cáo có con nhỏ đang đi học; chồng không có việc làm; gia đình thuộc hộ nghèo.

Tại phiên tòa bà Lê Thị H có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do “*bản thân tôi vì sức khỏe không đảm bảo để tham dự phiên tòa*”, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện sức khỏe của mình không đảm bảo tham dự phiên tòa được. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Tòa án cấp sơ xét xử bị cáo Lê Thị Tuyết N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng pháp luật, mức hình phạt 08 năm tù đối với bị cáo là tương xứng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị hại Lê Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của bị cáo, luật sư.

[1] Theo bản án hình sự sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai người bị hại, tang

vật thu giữ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có đủ cơ sở xác định: Trong năm 2023, do cần tiền để trả nợ, **Lê Thị N** đã tham gia 38 dây biểu của bà **Lê Thị H**, bị cáo đưa ra mức lãi cao để được hốt biểu trước, sau đó lấy được tiền, **N** không đóng tiền biểu nữa để từ đó chiếm đoạt 1.141.380.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo **Lê Thị Tuyết N** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo không kháng cáo.

[2] Bị cáo **Lê Thị Tuyết N** là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, nếu xâm phạm sẽ bị pháp luật xử lý theo quy định của pháp luật, nhưng để có tiền tiêu sài cá nhân và trả nợ bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 1.141.380.000 đồng. Hành vi của bị cáo thể hiện xem thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo **Lê Thị Tuyết N** với mức phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo và nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm này tại địa phương.

[3] Xét kháng cáo của bị hại bà **Lê Thị H** đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo **Lê Thị Tuyết N**, về các tình tiết giảm nhẹ có kháng cáo thì thấy:

Điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

“4. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.*

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên”.

Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại, hoàn cảnh gia đình bị cáo có 02 con nhỏ đang đi học, kinh tế gia đình sau khi bị bắt thì rất khó khăn, chồng bị cáo không có việc làm ổn định nên được hưởng tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, số tiền mà bị cáo chiếm đoạt cũng như tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để từ đó áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt 08 năm tù là phù hợp.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt 08 năm tù đối với bị cáo là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của bị hại tăng hình phạt đối với bị cáo **Lê Thị Tuyết N**.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: bà **Lê Thị H** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà **Lê Thị H.** Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2025/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng).

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt bị cáo **Lê Thị Tuyết N** 08 (tám) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 25/6/2024.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về án phí phúc thẩm: bị hại bà **Lê Thị H** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Viện CT&XXPT tại Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an TP. Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA TP. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Phước Hòa